TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:61/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 21 tháng 7 năm 2025
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Hường
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Tú Anh
Bà Nguyễn Minh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2: *Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm sát viên.*

Hôm nay, ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 222 ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trang Thị Bích H,** sinh năm 1959

Căn cước công dân số: 001159018846 cấp ngày 01/12/2020, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đăng ký thường trú: Số C Đê L, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. **Nơi cư trú**: Số C ngõ I (phường Q, quận C cũ) nay là phường N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H1,** sinh năm 1955

Căn cước công dân số: 001055013123 cấp ngày 18/8/2020, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đăng ký thường trú: Số A V, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. **Nơi cư trú**: Số 1603CT 2A H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trang Thị Bích H trình bầy***:

Bà H và ông Nguyễn Văn Hòa kết H2 ngày 14/4/1998 tại (UBND phường P, quận Đ cũ) nay là phường V- Q, Hà Nội.

Sau kết hôn bà H, ông H1 chung sống tại Cầu G. Trong quá trình chung sống vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, ông H1 thường vô cớ gây sự dẫn đến vợ chồng cãi nhau liên tục. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào năm 2021, vợ chồng đã sống quyết định sống ly thân nhau. Ông H1 chuyển về sống cùng chị gái ông H1 tại phòng số 1603-CT2A H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội, từ đó cho tới nay hai bên không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà H xác đinh vợ chồng không có khả năng hàn gắn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông hòa.

Về con chung: Bà H khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà H khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết

Về nợ chung: Bà H khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết

Về án phí: Bà H có đơn xin miễn án phí vì bà là người cao tuổi.

Ngoài các yêu cầu trên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn H1 đến tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Trang Thị Bích H đối với ông, Nhưng ông H1 không đến Tòa thực hiệc quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ông H1 vẫn vắng mặt không có lí do. Bà H có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông H1.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trang Thị Bích H đối với ông Nguyễn Văn H1. Về con chung: Xác nhận bà H, ông H1 không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà H xác nhận không có gì chung nên không xem xét. Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H1 theo thủ tục chung.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú tại Số A H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 2 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Trang Thị Bích H và ông Nguyễn Văn Hòa kết H2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội chứng nhận kết hôn số 48 ngày 14 tháng 4 năm 1998. Hôn nhân của bà H, ông H1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông H1, Hội đồng xét xử thấy: Việc ly hôn hay đoàn tụ phải phụ thuộc vào việc vợ chồng có còn chung sống, yêu thương chăm sóc lẫn nhau hay không. Trên thực tế và quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập của Tòa án và các văn bản tố tụng của Tòa yêu cầu ông H1 đến Tòa để giải quyết vụ án trình bày quan điểm, nguyện vọng của ông H1 đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, nhưng ông H1 không đến Tòa. Qua đó thể hiện việc mong muốn đoàn tụ của ông H1 là không có. Mặt khác ông H1, bà H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau như vậy hôn nhân giữa ông H1, bà H không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông H1 đã căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông H1 là có căn cứ chấp nhận phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về nuôi con chung**: Bà H xác nhận bà và ông H1 không có con chung nên không xem xét.

[3]. **Về chia tài sản chung** (động sản và bất động sản): Bà H xác nhận bà và ông H1 không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông H1 có căn cứ chứng minh ông và bà H có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4]. **Về nợ**: Bà H khai bà và ông H1 không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông H1 có căn cứ chứng minh vợ chồng có nợ chung và có yêu cầu giải quyết sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]. **Về án phí**: Theo luật người cao tuổi bà H là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án và đơn xin miễn án phí của bà H. Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hôn nhân và gia đình cho bà H.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trang Thị Bích H đối với ông Nguyễn Văn H1. Cho bà Trang Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận bà Trang Thị Bích H và ông nguyễn Văn H1 không có con chung.

3. Về chia tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Bà Trang Thị Bích H khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông H1 có căn cứ chứng minh ông bà có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ: Bà H1 khai không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này ông H1 có căn cứ chứng minh vợ chồng có nợ chung và có yêu cầu giải quyết sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Trang Thị Bích H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà H, vắng mặt ông H1. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Ông H1 có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thµnh phè Hµ Néi.
- VKSND khu vực 2.
- THA khu vực 2.
- §¬ng sù.
- UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Tú Anh **Nguyễn Minh Phương** **Đặng Thị Hường**